

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2022/DS-PT**

Ngày: 21-02-2022

*V/v: “Đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu
cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tôn**

Các Thẩm phán:

Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Nguyễn Cường**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đinh Văn Chánh** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/TBTL-TA ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Đòi lại đất bị lấn chiếm và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 927/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Văn Q, sinh năm 1954; bà Đinh Thị C, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Cao H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; C mặt.

- *Bị đơn:* Ông Cao Ngọc L, sinh năm 1960; bà Đinh Thị T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Điều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:*

+ Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh T – Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện M; Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện M; Vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** nguyên đơn ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Ngày 28 tháng 11 năm 2008 nguyên đơn được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AN 635977 với diện tích 9.323 m² đất rừng sản xuất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, thôn H, xã H, huyện M với thời hạn sử dụng đến tháng 7 năm 2053. Sau khi được giao đất nguyên đơn đã trồng keo nhưng chưa sử dụng hết diện tích được giao, năm 2019 nguyên đơn phát hiện các hộ gia đình ông Cao Ngọc L, ông Cao T và ông Đinh Xuân C là người cùng thôn đã lấn chiếm đất của nguyên đơn; trong đó, gia đình ông Cao Ngọc L lấn chiếm khoảng 2.500m² đất của nguyên đơn nên xảy ra tranh chấp, vụ việc được UBND xã H hòa giải nhưng không thành. Để đảm bảo quyền lợi của mình nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm.

Ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T (viết tắt bị đơn) trình bày: Diện tích 2.299m² đất nguyên đơn tranh chấp với bị đơn có nguồn gốc của bị đơn khai hoang, phục hóa trồng lúa, đậu, sắn từ năm 1989, đến năm 2001 thì chuyển sang trồng keo, trong số diện tích trên có 301m² đất trồng lúa đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ ngày 02/11/2007 tại thửa số 03, tờ bản đồ số 26 xã H, diện tích còn lại chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 2019 vợ chồng ông Cao Văn Q tranh chấp với bị đơn, lúc này bị đơn mới biết diện tích đất bị đơn đang canh tác sử dụng từ năm 1989 cho đến nay đã bị UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn phản tố yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AN 635977 ngày 28/11/2008 của UBND huyện M đã cấp cho nguyên đơn; buộc bị đơn bồi thường thiệt hại do đi lại để giải quyết vụ kiện 15.000.000 đồng và không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Công văn số 46/TNMT ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Năm 2000, UBND huyện giao cho Hạt kiểm lâm chủ trì công tác giao đất, giao rừng lâm nghiệp và tham mưu cho UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình trên địa bàn huyện M. Năm 2003, gia đình ông Cao Văn Q được giao đất và cấp GCNQSDĐ thuộc lô số 8, khoảnh 5 thuộc tiểu khu 78 với diện tích 21.600m². Năm 2008, xã H thực hiện vẽ lại bản đồ địa chính theo hệ tọa độ VN 2000, đồng thời cấp đổi GCNQSDĐ cho phù hợp bản đồ mới. Hộ ông Cao Văn Q được cấp GCNQSDĐ ở 03 khu vực, gồm: Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 tại khu vực C, xã H có diện tích 9.323m²; thửa đất số 99 có diện tích 5.521m² và thửa đất số 144 có diện tích 10.807m² đều ở tại tờ bản đồ số 38 khu vực Lèn Ông Ngoại xã H. Theo GCNQSDĐ cấp cho ông Cao Văn Q năm 2003,

năm 2008 và bản đồ địa chính năm 2008, thì diện tích tại thửa đất số 99 và 144, tờ bản đồ số 38 trùng với thửa đất được giao năm 2000. Còn vị trí thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu vực C, xã H không trùng với khu vực ông Q được cấp GCNQSDĐ năm 2003. Khi so sánh thời hạn sử dụng đất cấp năm 2003 và năm 2008 đều có thời hạn sử dụng đến tháng 7/2053. Điều đó cho thấy các thửa đất đều được cấp đổi năm 2003 nên có thời hạn sử dụng không thay đổi. Do hiện nay tờ bản đồ đo vẽ năm 2000 không còn lưu giữ nên không xác định được thửa đất được cấp đổi năm 2008 là thửa đất nào theo GCNQSDĐ cấp năm 2003.

Tại biên bản xác định mốc giới, ranh giới lập ngày 23/9/2007 (có chủ đất, cán bộ đo đạc, hộ liên kề và UBND xã H xác nhận) được lưu trữ trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ thì thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 ông Q kê khai ngày 24/9/2007 để cấp GCNQSDĐ. UBND huyện M đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

UBND xã H được triệu tập tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án nhưng không có ý kiến, không cử người tham gia tố tụng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/10/2021 bà Đinh Thị H, bà Cao Thị H, ông Cao T, ông Cao Thanh Q, ông Đinh Đức D, bà Cao Thị C, bà Lê Thị L, bà Đinh Thị Đ và bà Đinh Thị Y là những người làm chứng trình: Những người làm chứng sinh sống tại thôn H, xã H, huyện M trên 20 năm, nhiều người từ lúc sinh ra cho đến nay đều sống tại địa chỉ này, những người này đều chứng kiến ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T đã canh tác sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu vực C, xã H từ rất xa, nhiều người lớn tuổi chứng kiến bị đơn sử dụng đất từ năm 1986 cho đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS – ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện M đã chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại 2.299m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 tại khu vực C, xã H.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2020/DS – PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Q định giám đốc thẩm số 27/2021/DS – GĐT ngày 01/6/2021 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS – ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện M và Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2020/DS – PT ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Giao hồ sơ về xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C về việc yêu cầu ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T trả lại 2.299m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M.

2. Không chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Cao Ngọc L về việc yêu cầu ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C bồi thường thiệt hại 15.000.000 đồng đi lại để giải quyết vụ kiện.

3. Chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Cao Ngọc L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 635977 ngày 21 tháng 11 năm 2008, của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M.

4. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 635977 ngày 21 tháng 11 năm 2008, của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C liên quan đến diện tích 2.299m² đất tranh chấp với ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M.

5. Ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C và ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký sử dụng đất đai theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-12-2021, nguyên đơn ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C kháng cáo.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DSST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện M và Ủy ban nhân dân xã H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy, việc vắng

mặt của những người có tên trên không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên trên.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như trình tự thủ tục tố tụng liên quan đến yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền thì thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Ngày 09 tháng 8 năm 2003, nguyên đơn là ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số V 696810, với diện tích 21.600m² đất trồng rừng sản xuất tại lô số 8 khoảnh 5, tiểu khu 78 xã H, huyện M. Ngày 21 tháng 11 năm 2008, nguyên đơn được UBND huyện M cấp đổi thành 03 GCNQSDĐ gồm: GCNQSDĐ số AN 635976 có diện tích 5.521m² đất rừng sản xuất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 38 Lèn Ông Ngòi, thôn H, xã H, huyện M; GCNQSDĐ số AN 635975 có diện tích 10.807m² đất rừng sản xuất tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 38 Lèn Ông Ngòi, thôn H, xã H, huyện M; GCNQSDĐ số AN 635977 có diện tích 9.323m² đất rừng sản xuất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 Khu C, thôn H, xã H, huyện M (*thửa đất này đang tranh chấp*). Quá trình canh tác và sử dụng diện tích đất trên, ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C cho rằng diện tích đất của mình bị ông Cao Ngọc L lấn chiếm, do đó đã khởi kiện đòi lại đất bị lấn chiếm.

Sau khi đối chiếu với trình bày của các bên đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy:

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 tại khu vực C, xã H (hồ sơ do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M cung cấp) thể hiện không có các loại giấy tờ hoặc đã sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993; biên bản xác định ranh giới chỉ một mình hộ ông Đinh Minh C xác nhận còn các hộ liền kề khác không ký, trong đó có bị đơn trong vụ án này có đất sản xuất liền kề, các sai sót trên không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (nay là Điều 100 Luật đất đai năm 2013) và Điều 3 Nghị định 84/2007/NĐ – CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ hướng dẫn việc cấp GCNQSDĐ lần đầu.

Tại Công văn số 46/TNMT ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M xác định: GCNQSDĐ cấp cho nguyên đơn năm 2003, năm 2008 và bản đồ địa chính năm 2008, thì diện tích tại thửa đất số 99 và 144, tờ bản đồ 38 là diện tích cấp đổi năm 2008 trùng với thửa đất được giao năm 2000. Còn vị trí thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu vực C, xã H không trùng với khu vực nguyên đơn được cấp GCNQSDĐ năm 2003. Như vậy, GCNQSDĐ số AN 635977 của UBND huyện M cấp cho nguyên đơn tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 Khu C, thôn H, xã H, huyện M không trùng với vị trí diện tích đất nguyên đơn được giao năm 2000 và GCNQSDĐ được cấp lần đầu năm 2003.

Theo kết quả thẩm định ngày 13/10/2021 thì, thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 Khu C, thôn H, xã H từ khi nguyên đơn được cấp GCNQSDĐ cho đến khi xảy

ra tranh chấp nguyên đơn chỉ sử dụng 4.791m² đất, diện tích còn lại do bị đơn sử dụng 2.299m²; hộ ông Đinh Xuân C sử dụng 783m² và hộ ông Cao T 1.450m². Ngoài ra, phần diện tích đất của bị đơn sử dụng từ năm 2008, quá trình sử dụng đất của bị đơn tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 Khu C, thôn H, xã H được những người làm chứng bà Đinh Thị H, bà Cao Thị H, ông Cao T, ông Cao Thanh Q, ông Đinh Đức D, bà Cao Thị C, bà Lê Thị L, bà Đinh Thị Đ và bà Đinh Thị Y chứng thực, do đó có cơ sở khẳng định việc sử dụng đất của bị đơn là trước khi nguyên đơn được cấp GCNQSDĐ năm 2008.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố hủy GCNQSDĐ số AN 635977 ngày 21/11/2008 của UBND huyện M cấp cho nguyên đơn và yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn thì thấy:

Phần diện tích đất tranh chấp bị đơn trực tiếp sử dụng, canh tác từ trước khi nguyên đơn được cấp GCNQSDĐ đất năm 2008 nhưng chưa kê khai đến cấp có thẩm quyền quản lý đất đai. Việc UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số AN 635977 ngày 21/11/2008 cho nguyên đơn nhưng không tiến hành thu hồi đất, bồi thường công sức cải tạo, cây trồng, giữ gìn đất cho bị đơn là trái quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị hủy một phần GCNQSDĐ này liên quan đến diện tích đất tranh chấp đề cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai xem xét cấp lại GCNQSDĐ là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông Cao Ngọc L cho rằng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 26 xã H, huyện M có diện tích 301m² của gia đình ông đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ năm 2007 nhưng năm 2008 UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M chồng lên. Yêu cầu này của ông Cao Ngọc L đã được Tòa án tiến hành xác minh và tại Công văn số 99/CNVPĐK ngày 03/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thì không có sự chồng lấn, diện tích đất này của bị đơn nằm liền kề thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H đã cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Riêng yêu cầu bồi thường thiệt hại, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện thiệt hại thực tế do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp, tài liệu chứng cứ gì mới, đối chiếu với lời trình bày của các đương sự cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Cao Văn Q và bà Đinh Thị C, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Cao Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Cao Văn Q là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Cao Văn Q và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C về việc yêu cầu ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T trả lại 2.299m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

2. Không chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Cao Ngọc L về việc yêu cầu ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C bồi thường thiệt hại 15.000.000 đồng đi lại để giải quyết vụ kiện.

3. Chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Cao Ngọc L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 635977 ngày 21 tháng 11 năm 2008, của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

4. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 635977 ngày 21 tháng 11 năm 2008, của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C liên quan đến diện tích 2.299m² đất tranh chấp với ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 38 khu C, xã H, huyện M.

5. Ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C và ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký sử dụng đất đai theo quy định.

6. Ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C phải chịu 3.550.000 đồng tiền chi phí tố tụng (đã nộp đủ). Ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T phải chịu 2.550.000 đồng chi phí tố tụng (đã nộp đủ).

7. Ông Cao Văn Q, bà Đinh Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004277 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Bình. Ông Cao Ngọc L, bà Đinh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004349 ngày 04/9/2020 và Biên lai số 0004484 ngày 26/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Văn Q là người cao tuổi nên được miễn nộp, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 31AA/2021/0004857 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (do ông Cao Xuân Đ nộp thay cho Cao Văn Q, Đinh Thị C).

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng (theo Đ/c)
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn